

**CÔNG TY CỔ PHẦN TREECHAIN NETWORK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TREECHAIN NETWORK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TREECHAIN NETWORK JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TREECHAIN NETWORK CO ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108513222

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 46 Trần Hưng Đạo, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902154558

Fax:

Email: [contact@treechain.network](mailto:contact@treechain.network)

Website: <http://treechainnetwork.com>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                         | 0150     |
| 2.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | 0210     |
| 3.  | Khai thác gỗ                                          | 0220     |
| 4.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                         | 0231     |
| 5.  | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ                          | 0232     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                          | 0240     |
| 7.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                           | 0322     |
| 8.  | Trồng cây hàng năm khác                               | 0119     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | <p>Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất thiết bị kiểm tra mức khí thải tự động;</li> <li>- Sản xuất thiết bị khí tượng;</li> <li>- Sản xuất thiết bị kiểm tra đặc tính vật lý;</li> <li>- Sản xuất máy ghi tim vật lý;</li> <li>- Sản xuất thiết bị đo lường điện năng và dấu hiệu điện tử (bao gồm cả viễn thông);</li> <li>- Sản xuất dụng cụ phát hiện phóng xạ và dụng cụ chỉ huy;</li> <li>- Sản xuất thiết bị cho điều tra;</li> <li>- Sản xuất nhiệt kế lỏng trong kính và loại lưỡng kim (trừ y tế);</li> <li>- Sản xuất máy đo độ ẩm;</li> <li>- Sản xuất thiết bị kiểm soát giới hạn thủy lực;</li> <li>- Sản xuất thiết bị kiểm soát lửa và nhiệt;</li> <li>- Sản xuất quang phổ kế;</li> <li>- Sản xuất máy đo khí;</li> <li>- Sản xuất công tơ đo lượng tiêu dùng (như nước, gas);</li> <li>- Sản xuất máy đo dòng chảy và thiết bị đếm;</li> <li>- Sản xuất máy đếm;</li> <li>- Sản xuất máy dò quặng, máy đo độ rung, máy dò tìm kim loại;</li> <li>- Sản xuất thu thanh máy bay, kiểm tra, đo lường, định hướng, thiết bị hàng không, hàng hải, bao gồm phao âm;</li> <li>- Sản xuất thiết bị GPS;</li> <li>- Sản xuất thiết bị kiểm soát môi trường và điều khiển tự động;</li> <li>- Sản xuất thiết bị đo lường và ghi (ví dụ đo ánh sáng);</li> <li>- Sản xuất máy giám sát hành động;</li> <li>- Sản xuất dụng cụ phân tích thí nghiệm (ví dụ thiết bị phân tích mẫu máu);</li> <li>- Sản xuất thiết bị chưng cất trong phòng thí nghiệm, máy li tâm, máy siêu âm;</li> <li>- Sản xuất thiết bị cân, đo, lỏng áp dùng trong phòng thí nghiệm;</li> <li>- Sản xuất các thiết bị đo lường khác như máy dò phóng xạ, máy dò tìm, đo độ ẩm, đo khí tượng.</li> </ul> | 2640 |
| 10. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2660 |
| 11. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3822 |
| 12. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3830 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | <p>Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;</li> <li>- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;</li> <li>- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;</li> <li>- Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển;</li> <li>- Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác;</li> <li>- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3900 |
| 14. | <p>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</p> <p>Chi tiết: Việc kiểm tra lý, hóa và các phân tích khác của tất cả các loại vật liệu và sản phẩm, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra âm thanh và chấn động;</li> <li>- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...;</li> <li>- Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thực phẩm, bao gồm kiểm tra thú y và điều khiển quan hệ với sản xuất thực phẩm;</li> <li>- Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...;</li> <li>- Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy;</li> <li>- Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: Mô tô, ô tô, thiết bị điện...;</li> <li>- Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn;</li> <li>- Phân tích lỗi;</li> <li>- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...;</li> <li>- Chứng nhận sản phẩm, bao gồm hàng hóa tiêu dùng, xe có động cơ, máy bay, vỏ điều áp, máy móc nguyên tử;</li> <li>- Kiểm tra an toàn đường sá thường kỳ của xe có động cơ;</li> <li>- Kiểm tra việc sử dụng các kiểu mẫu hoặc mô hình (như máy bay, tàu thủy, đập...);</li> <li>- Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát.</li> </ul> | 7120 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | <p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực toán học và thống kê;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học máy tính và thông tin;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực vật lý;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực hóa học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học trái đất và môi trường liên quan;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực sinh học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên khác</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7211 |
| 16. | <p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật dân dụng;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử, kỹ thuật thông tin;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật cơ khí;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật hóa học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật vật liệu và luyện kim;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật môi trường.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học môi trường;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học công nghiệp.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ nano.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật thực phẩm và đồ uống.</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ khác.</li> </ul> | 7212 |
| 17. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0118 |
| 18. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0131 |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0132 |
| 20. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0141 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0142 |
| 22. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0144 |
| 23. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0149 |
| 24. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0321 |
| 25. | Trồng cây lâu năm khác<br>Chi tiết: - Trồng các cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0129 |
| 26. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược<br>Chi tiết:<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y học cơ sở;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y học lâm sàng;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực y tế;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực dược học;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong y học;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược khác;                                                                                      | 7213 |
| 27. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp<br>Chi tiết:<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực trồng trọt;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực chăn nuôi;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thú y;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lâm nghiệp;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thủy sản;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trong nông nghiệp;<br>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp khác; | 7214 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 28. | <p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực tâm lý học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực xã hội học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực pháp luật;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học chính trị;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực địa lý kinh tế và xã hội;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực thông tin đại chúng và truyền thông;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội khác.</li> </ul> | 7221        |
| 29. | <p>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực lịch sử và khảo cổ học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ngôn ngữ học và văn học;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực triết học, đạo đức học và tôn giáo;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nghệ thuật;</li> <li>- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn khác;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7222        |
| 30. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3700        |
| 31. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3811        |
| 32. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3812        |
| 33. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3821        |
| 34. | <p>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê;</li> <li>- Điều tra thu thập ý kiến của công chúng về những sự kiện chính trị, kinh tế và xã hội, bao gồm kết quả phân tích thống kê.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320(Chính) |

|     |                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu | 7490 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HÀM TIẾN THÀN | P1401B CC7 89 BQP Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | C5438645                                                                                    |         |
|     |                      |                                                                                                                 | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TẠ THU THỦY          | 119 ngách 72/1 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    | 001083018304                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                                                 | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN DUY HƯNG      | P403 chung cư Scitech Tower, ngõ 304 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    | 026085000001                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                                                 | Tổng số           | 200.000    | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | PHẠM VŨ HIỆP         | P701-T9 – CT 18 ĐT Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 20.000.000 | 2.000.000.000         | 20,000    | C3557734                                                                                    |         |
|     |                      |                                                                                                                 | Tổng số           | 20.000.000 | 2.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: NGUYỄN HÀM TIẾN THÀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/09/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: C5438645

Ngày cấp: 14/06/2018      Nơi cấp: Cục Quản Lý Xuất Nhập Cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Pl401B CC7 89 BQP Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Pl401B CC7 89 BQP Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội